



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

So' card
ODP.
that
main D

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYEN VAN DANG
Last Middle First

Current Address 292/6 CACH MANG THANG 8, Q3 HCM/CITY.

Date of Birth DEC 14, 1940 Place of Birth BIEN HOA, PROVINCE.

Names of Accompanying Relatives/Dependents

NONE

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 6/75 To Sept 11, 1980

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

Captain -

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>

Form Completed By:

Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (ADR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

USCC Form D
(12/84)

Date: MAR 12, 85

Identification Data

Name : NGUYEN VAN DINH

Other Names : None

Date/Place of Birth: Dec 14, 1940- Bien Hoa Province, South VN.

Residence Address : 292/6 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, Hồ Chí Minh City.

Mailing Address : Same as above

Current Occupation : Unemployed (Jobs unavailable for re-educateds)

Persons To Accompany Me: None

Relatives Outside Vietnam

1. Closest Relative In the U.S: None

2. Closest Relative in Other Foreign Countries:

Name : Nguyễn Văn Đức (Formerly Colonel of RVNAF, Aide Camp Chi-
to former President Thieu)

Relationship : Brother

Address : 4 Rue Karl Marx. II.100 Narbonne. France

Complete Family Listing (Living/Dead)

Name

Address

1. Father : Nguyễn Văn Tỉnh (Living) 292/6 Cách Mạng Tháng 8, Q.3. HCM city

2. Mother : Lương Thị Sang (Dead)

3. Spouse : Single

4. Former-spouse : None

5. Children : None

6. Siblings

(1) Nguyễn Văn Sửu 83 Rue de Massy. 92160 France

(2) Nguyễn Văn Đức 4 Rue Karl Marx. II.100 Narbonne. France

(3) Nguyễn Văn Minh 105 Rue de Grenelle. 75007 Paris. France

(4) Nguyễn Thị Ngôn 64/13 Lê Quang Định, Quận Bình Thạnh. GIADINH

(5) Nguyễn Thị Viên 292/6 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, HCM city

(6) Nguyễn Thị Phụng (Same as above)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you

ĐOÀN QUÂN
QUỐC LÃI
CHỦ ĐÓNG
SỐ 612/RT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự Do-Hạnh Phúc.

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 376/TTG ngày 22-8-1977 của Thủ tướng
chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách
với binh sĩ, nhân viên bảo vệ quân chính quyền của chế độ cũ
và công nhân, phân động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên Bộ quốc phòng-Nội Vụ số ... ngày.
về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTG ngày 22-8-1977 của Thủ
tướng chính phủ.

Thị hành quyết định tha số: 109 Ngày 15 tháng 8 năm 1980
của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Nguyễn Văn Đăng

Ngày tháng, năm sinh: 1940

Quê quán: Tây Ninh

Trú quán: 292/6 Cách mạng tháng 8, quận 3, TP: HCM

Số lĩnh cấp bậc chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân
sự và các tổ chức chính trị, phân động của chế độ cũ.

.....Đại uý Tham chính Văn Phòng.....

- Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với ủy ban nhân

dân và công an xã phường: 292/6 Cách mạng tháng 8

Thị trấn huyện quận: 3 Tỉnh, Thành phố: Hồ Chí Minh

và phải tuân theo các quy định của ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành
về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác..

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (Mười hai tháng)

- Thời hạn đi đường: 02 Ngày (Kể từ ngày cấp giấy ra trại)

tiền và lương tháng đi đường; đã cấp từ trại về đến gia đình.

.....(không được cư trú ở thành phố).....

Lưu tay, ngón trở phải

Của: Nguyễn Văn Đăng

Ngày 11 tháng 7 năm 1980

7/ko GIÁM THỊ

Người được cấp
giấy ký



Đại uý Tham chính Văn Phòng

R

MAR 19 1985

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH
CHO HỒI GIỮ

VỒ SỐ 318

NAME (TÊN) : NGUYỄN VĂN DĂNG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : DEC 14 1940
(NĂM, NƠI SINH BÈ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : NAM Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : D-THÂN Married (có lập gia đình) :
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 292/6 CÁCH MẠNG THÁNH 8, QUẬN 3
(Địa chỉ tại VN) THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) CÓ No (Không) :
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : To (Đến) : 9/11/80

PLACE OF RE-EDUCATION : THUẬN
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : ĐẠI ÚY THAM CHANH VĂN PHONH

EDUCATION IN U.S. : CHONH
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : ĐẠI ÚY

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Đ. ÚY THAM CHANH V/P Date (Năm) : 7/66-4/30/75
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) :
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : 292/6 CÁCH MẠNG THÁNH 8, QUẬN 3
(Địa chỉ liên lạc tại VN) THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : HUYỀN VĂN HÒA
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : hay Người Bảo Trợ) LA, CA

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) : CHONH

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : CÁU

NAME AND SIGNATURE : HUYỀN VĂN HÒA HÒA
ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này) LA, CA

DATE : 12 THÁNG 3 NĂM 1985

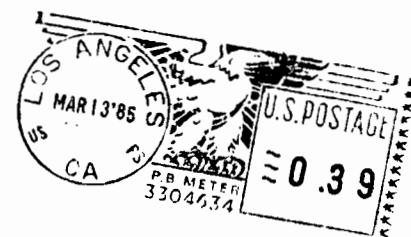
NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
 (Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:

HUYNH VAN HOA

LA, CA.



Hoi Gia Dinh Tu Nhan Chanh Tri
VIET-NAM
P.O.BOX 5435 ARLINGTON, VA.
22205-0635.

VIETNAM